TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 30 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thụy;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2022/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 183/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Ngọc M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà M có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Ngọc M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc M và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 2002, hôn nhân tự nguyện lần thứ nhất của cả hai. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 06/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H rượu chè, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên bất hòa, tình trạng mâu thuẫn trong thời gian dài không hàn gắn được. Bà M đã nhiều lần tha thứ nhưng ông H vẫn không sửa đổi tánh tình. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Ngọc M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ con chung: Bà M và ông H có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc C, sinh ngày 18/8/1999; Nguyễn Phạm Huỳnh D, sinh ngày 21/4/2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Nguyễn Phạm Trung Q, sinh ngày 17/10/2007. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chưa thành niên là cháu Nguyễn Phạm Trung Q, sinh ngày 17/10/2007, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn* Nguyễn Văn H *không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

* *Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Bà M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn nên không đến dự tòa được. Ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, điều kiện đi lại khó khăn nên không đến dự tòa được. Ông H không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông H là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Phạm Ngọc M đối với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Do con chung của bà M và ông H là các cháu Nguyễn Phạm Ngọc C, sinh ngày 18/8/1999; Nguyễn Phạm Huỳnh D, sinh ngày 21/4/2002 và Nguyễn Phạm Trung Q, sinh ngày 17/10/2007. Hai cháu Nguyễn Phạm Ngọc C, Nguyễn Phạm Huỳnh D đã trưởng thành, có khả năng lao động nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu Nguyễn Phạm Trung Q, sinh ngày 17/10/2007 hiện đang sống với mẹ. Bà Mi có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

chưa thành niên là cháu Q, ông H không có ý kiến về con chung. Để đảm bảo ổn định về tinh thần, đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung của bà M và ông H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà M.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không có yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Phạm Ngọc M và ông Nguyễn Văn H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông H không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà M là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc M và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn năm kết hôn năm 2002, hôn nhân tự nguyện lần thứ nhất của cả hai. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 06/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H rượu chè, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên bất hòa, tình trạng mâu thuẫn trong thời gian dài không hàn gắn được. Bà M đã nhiều lần tha thứ nhưng ông H vẫn không sửa đổi tánh tình. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Ngọc M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú. Tuy nhiên, ông H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà M và và vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án. Như vậy, ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà M nên tạo thêm thời gian để vợ chồng ông bà có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà M dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà M và ông H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc C, sinh ngày 18/8/1999; Nguyễn Phạm Huỳnh D, sinh ngày 21/4/2002 và Nguyễn Phạm Trung Q, sinh ngày 17/10/2007. Hai cháu Nguyễn Phạm Ngọc C, Nguyễn Phạm Huỳnh D đã trưởng thành, có khả năng lao động nên hội đồng xét xử không xem xét. Riêng con chung chưa thành niên của bà M và ông H là cháu Nguyễn Phạm Trung Q hiện đang sống với mẹ. Bà M có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, ông H không có ý kiến về con chung. Để đảm bảo ổn định về tinh thần, đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung của bà M và ông H Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà M giao cháu Q cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Bà M và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, do bà M không có yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông H cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***<u>Về án phí</u>*:** Bà Phạm Ngọc M phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc M. Bà Phạm Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Bà Phạm Ngọc M và ông Nguyễn Văn H có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc C, sinh ngày 18/8/1999; Nguyễn Phạm Huỳnh D, sinh ngày 21/4/2002 và Nguyễn Phạm Trung Q, sinh ngày 17/10/2007.

Cháu Nguyễn Phạm Ngọc C, sinh ngày 18/8/1999; Nguyễn Phạm Huỳnh D, sinh ngày 21/4/2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên hội đồng xét xử không xem xét.

Bà M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Phạm Trung Q, sinh ngày 17/10/2007.

Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không có yêu cầu. Bà M cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Ngọc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001128 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- THADS TPL;
- UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang